



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	31/12/2013
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.017.297.792	89.192.004.006
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	25.679.955.216	4.357.108.434
1.	Tiền	111		25.679.955.216	4.357.108.434
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1.	Đầu tư ngắn hạn	121			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.498.297.312	63.053.262.666
1.	Phải thu khách hàng	131	6	12.325.866.900	55.453.950.894
2.	Trả trước cho người bán	132		6.736.554.204	9.086.935.446
3.	Các khoản phải thu khác	135		232.048.812	236.765.424
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(796.172.604)	(1.724.389.098)
IV.	Hàng tồn kho	140	7	23.681.089.044	20.475.046.398
1.	Hàng tồn kho	141		25.043.956.206	21.837.913.560
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.362.867.162)	(1.362.867.162)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.157.956.220	1.306.586.508
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.180.916.418	1.092.405.582
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152			-
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158		977.039.802	214.180.926
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.186.960.968.738	1.284.586.721.166
I.	Tài sản cố định	220		1.085.208.775.698	1.126.190.078.868
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.020.212.353.872	373.923.268.692
-	- Nguyên giá	222		1.235.171.797.050	555.648.358.926
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(214.959.443.178)	(181.725.090.234)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	9	35.267.488.914	39.132.115.068
-	- Nguyên giá	228		100.355.098.572	100.444.650.462
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.087.609.658)	(61.312.535.394)
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	29.728.932.912	713.134.695.108
II.	Bất động sản đầu tư	240	11	38.871.936.552	39.892.870.590
-	- Nguyên giá	241		47.694.677.988	47.694.677.988
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(8.822.741.436)	(7.801.807.398)
III.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.910.806.106	8.910.806.106
1.	Đầu tư dài hạn khác	258	12	8.910.806.106	8.910.806.106
IV.	Tài sản dài hạn khác	260		53.969.450.382	109.592.965.602
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	13	52.871.754.546	108.071.412.066
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.097.695.836	1.521.553.536
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.256.978.266.530	1.373.778.725.172





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		317.187.631.602	318.217.510.206
I. Nợ ngắn hạn	310		220.668.519.576	210.681.731.046
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	99.795.967.590	103.645.169.148
2. Phải trả người bán	312		26.927.817.780	38.856.554.448
3. Người mua trả tiền trước	313		2.172.573.468	240.377.244
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	35.380.602.618	34.423.342.842
5. Phải trả người lao động	315		9.515.764.710	6.691.746.390
6. Chi phí phải trả	316		550.037.694	742.930.128
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	46.325.755.716	26.081.610.846
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	232			
II Nợ dài hạn	330		96.519.112.026	107.535.779.160
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	90.088.691.436	100.408.001.112
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		4.176.538.680	4.361.846.292
3. Các khoản phải trả dài hạn khác	333		1.584.271.728	1.863.189.216
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		669.610.182	902.742.540
B. NGUỒN VỐN	400		939.790.634.928	1.055.561.214.966
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	19	939.790.634.928	1.055.561.214.966
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		898.915.498.020	898.915.498.020
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		106.807.232.574	106.807.232.574
3. Chênh lệch tỷ giá	416			-
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.795.580.196	13.795.580.196
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(79.727.675.862)	36.042.904.176
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.256.978.266.530	1.373.778.725.172

Hạ long ngày 16 tháng 10 năm 2014

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý III năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Quý 3		Luỹ kế từ đầu năm	
			2014	2013	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		72.316.093.746	45.967.356.942	183.414.572.154	138.040.318.548
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.882.046.812	4.678.008.018	14.460.728.718	13.637.042.544
<i>Chiết khấu thương mại</i>	05		49.460.688	363.285.354	394.984.386	1.130.754.612
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	08		6.832.586.124	4.314.722.664	14.065.744.332	12.506.287.932
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		65.434.046.934	41.289.348.924	168.953.843.436	124.403.276.004
4. Giá vốn hàng bán	11		48.423.479.526	27.904.708.860	137.632.161.642	83.813.472.876
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.010.567.408	13.384.640.064	31.321.681.794	40.589.803.128
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	325.085.046	417.420.162	4.218.159.594	4.382.242.452
7. Chi phí tài chính	22	21	6.159.661.566	2.638.519.494	19.298.145.474	8.395.654.344
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.041.597.544	2.464.705.968	18.902.736.168	8.073.012.588
8. Chi phí bán hàng	24		6.375.924.600	3.931.678.530	18.535.052.892	12.141.409.128
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.713.661.642	10.021.334.526	105.644.991.390	28.211.437.362
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(31.913.595.354)	(2.789.472.324)	(107.938.348.368)	(3.776.455.254)
11. Thu nhập khác	31	22	1.406.973.858	409.240.452	5.458.968.486	1.907.147.190
12. Chi phí khác	32	23	6.279.531.498	1.303.867.020	12.835.473.456	4.176.857.370
13. Lợi nhuận khác	40		(4.872.557.640)	(894.626.568)	(7.376.504.970)	(2.269.710.180)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(36.786.152.994)	(3.684.098.892)	(115.314.853.338)	(6.046.165.434)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		152.928.708	-	423.857.700	442.617.918
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(36.939.081.702)	(3.684.098.892)	(115.738.711.038)	(6.488.783.352)

Hạ long ngày 16 tháng 10 năm 2014

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý III năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Luỹ kế từ đầu năm	
		2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(115.314.853.338)	(6.046.165.434)
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>		76.061.041.182	26.279.389.860
Khấu hao tài sản cố định	02	54.643.585.962	21.368.546.928
Các khoản dự phòng	03	(928.216.494)	(1.727.363.538)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.810.505.864)	(2.452.914.438)
Lỗi thanh lý tài sản	05	6.253.441.410	1.018.108.320
Chi phí lãi vay	06	18.902.736.168	8.073.012.588
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(39.253.812.156)	20.233.224.426
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	45.483.181.848	22.684.396.692
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10	(3.206.021.400)	(1.044.538.344)
(Tăng) giảm các khoản phải trả	11	47.224.971.420	(29.981.717.820)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(851.369.712)	(566.184.654)
Tiền lãi vay đã trả	13	(17.654.894.850)	(13.116.260.592)
Thuế TNDN đã nộp	14	(670.162.578)	(5.871.565.806)
Tiền chi khác cho HĐSXKD	16	(16.805.586)	(218.791.308)
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</i>	20	31.055.086.986	(7.881.437.406)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.037.101.182)	(60.546.808.308)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	3.764.854.938	992.251.938
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(272.246.244)	(59.554.556.370)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	103.148.650.128	166.109.386.464
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(115.387.302.198)	(102.687.102.024)
4. Thù lao Hội đồng quản trị	36	(31.869.000)	(31.869.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(12.270.521.070)	63.390.415.440
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	18.512.319.672	(4.045.578.336)





BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý III năm 2014
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lũy kế từ đầu năm	
		2014	2013
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	4.357.108.434	4.135.810.098
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	2.810.527.110	2.452.893.192
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	25.679.955.216	2.543.124.954

Hạ long ngày 16 tháng 10 năm 2014

Người lập



Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Linh Chi

Trưởng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ





BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

Quý III - năm 2014

1. Thông tin khái quát

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/4/2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29/12/2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15/06/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14/03/2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phiếu của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Ngày 28/01/2008, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953/GCNĐC3/22/1 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 410.319.760.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 41.031.976 cổ phần.

Ngày 01/07/2008, Công ty nhận được Giấy chứng nhận đầu tư đăng ký lại số 221.032.000.118 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư 2005.

Ngày 30/10/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 1 số 221.032.000.118 chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 514.381.130.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 51.438.113 cổ phần.





Ngày 30/6/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 2 số 221.032.000.118 về thay đổi vốn của cổ đồng sáng lập.

Ngày 22/9/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 3 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 565.814.070.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 56.581.407 cổ phần

Ngày 22/11/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 5 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 650.673.890.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 65.067.389 cổ phần

Ngày 30/10/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 7 số 221.032.000.118. Theo đó, vốn đầu tư là 730.473.560.000 VND, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 703.687.540.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 70.368.754 cổ phần

Ngày 25 tháng 7 năm 2013, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi lần 8 số 221.032.000.118. Theo đó, Đại diện Công ty là Ông Đỗ Trí Vỹ, người Đại Loan, Chức vụ Tổng Giám đốc.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đổi ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán

Cơ sở lập báo cáo tài chính



Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), trên cơ sở qui đổi từ báo cáo gốc là đô la mỹ (USD) theo tỷ giá Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại ngày 31/12/2013 và 30/09/2014 là: 21.246 VND/1USD và 21.246 VND/1USD.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 07 năm 2009, Hội đồng Quản trị đã ban hành chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, khách chỉ được cho vay trong một hạn mức và trong một khoảng thời gian nhất định do Tổng Giám đốc quyết định. Khách hàng được cho vay dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên thời gian từ khi bắt đầu cho nợ, cụ thể như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 – 1	3
1 – 2	6,25
2 – 3	12,50
3 – 4	25
4 – 5	50
5 – 6	75
Trên 6 tháng	100

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho	Phương pháp tính giá
Hàng ăn	Nhập trước - Xuất trước
Hàng giải khát	Bình quân gia quyền
Hàng lưu niệm, mỹ nghệ	Giá đích danh
Vật tư khác	Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất; 8 ha bãi cát bờ biển và 10,8 ha mặt nước tiếp giáp bờ biển tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13/08/1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 35 năm.

Các khoản trả trước dài hạn



Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị còn lại của các khoản chi phí trước hoạt động phát sinh trước khi Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long đi vào hoạt động kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh và các tài sản có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng theo Thông tư 45. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.

Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi



việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

5. Tiền

	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	21.273.619.800	3.699.417.258
Tiền gửi ngân hàng	4.394.905.068	10.686.738
Tiền đang chuyển	11.430.348	647.004.438
	<u>25.679.955.216</u>	<u>4.357.108.434</u>

6. Phải thu của khách hàng

	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ khách hàng CLB	0	50.763.471.474
Phải thu từ các hoạt động kinh doanh khác	12.325.866.900	4.690.479.420
	<u>12.325.866.900</u>	<u>55.453.950.894</u>

7. Hàng tồn kho

	30/09/2014	12/31/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.516.879.772	17.453.546.508
Hàng hóa	4.527.076.434	4.384.367.052
Cộng:	<u>25.043.956.206</u>	<u>21.837.913.560</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1.362.867.162)</u>	<u>(1.362.867.162)</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>23.681.089.044</u>	<u>20.475.046.398</u>



8. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính : VND

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	423.033.482.676	101.320.899.240	2.219.484.636	18.891.093.360	10.183.399.014	555.648.358.926
Tại ngày 30/09/2014	929.387.233.584	237.565.548.360	13.389.675.366	20.544.754.524	34.284.585.216	1.235.171.797.050
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	319.312.635.276	43.030.054.950	258.478.836	9.168.328.872	2.153.770.758	373.923.268.692
Tại ngày 30/09/2014	118.679.008.716	72.887.738.622	3.502.997.988	8.739.223.410	11.150.474.442	214.959.443.178
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	103.720.847.400	58.290.844.290	1.961.005.800	9.722.764.488	8.029.628.256	181.725.090.234
Tại ngày 30/09/2014	810.708.224.868	164.677.809.738	9.886.677.378	11.805.531.114	23.134.110.774	1.020.212.353.872

9. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	98.793.900.000	1.650.750.462	100.444.650.462
Tại ngày 30/09/2014	98.793.900.000	1.561.198.572	100.355.098.572
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	60.031.529.070	1.281.006.324	61.312.535.394
Tại ngày 30/09/2014	63.963.037.632	1.124.572.026	65.087.609.658
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	38.762.370.930	369.744.138	39.132.115.068
Tại ngày 30/09/2014	34.830.862.368	436.626.546	35.267.488.914



10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2014	12/31/2013
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	29.728.932.912	713.134.695.108
Cộng:	29.728.932.912	713.134.695.108

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm do kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản khách sạn Hoàng gia Hạ Long.

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc	Đơn vị tính: VND Tổng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	47.694.677.988	47.694.677.988
Tại ngày 30/09/2014	47.694.677.988	47.694.677.988
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	7.801.807.398	7.801.807.398
Tại ngày 30/09/2014	8.822.741.436	8.822.741.436
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	39.892.870.590	39.892.870.590
Tại ngày 30/09/2014	38.871.936.552	38.871.936.552

12. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư tài chính dài hạn khác là giá trị khoản tiền góp vốn vào Công ty cổ phần chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, tương ứng với 5% vốn điều lệ của công ty này.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2014	12/31/2013
	VND	VND
Chi phí trước hoạt động*	22.508.862.240	90.035.491.452
<i>Khách sạn 5 sao</i>	<i>22.508.862.240</i>	<i>90.035.491.452</i>
Công cụ dụng cụ	30.362.892.306	17.723.328.216
Sửa chữa lớn tài sản cố định		312.592.398
Cộng:	52.871.754.546	108.071.412.066



(*) Công ty phân bổ chi phí trước hoạt động trong vòng 01 năm (2014) kể từ khi khách sạn đi vào hoạt động (01/1/2014) theo hướng dẫn tại Công văn số 392/TC-TCĐN ngày 10 tháng 1 năm 2003 của Bộ Tài chính.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Dự phòng trợ cấp thời việc	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Đơn vị tính: VND Tổng
Tại ngày 01/01/2014	1.090.472.196	431.081.340	1.521.553.536
Tại ngày 30/09/2014	922.543.812	175.152.024	1.097.695.836

15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	30/09/2014 VND	12/31/2013 VND
Ngân ngân hàng TMCP Công thương Việt nam – CN Thanh xuân (1)	39.719.375.754	40.086.357.912
Ngân ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam – CN Hạ long (2)	24.866.828.304	29.875.424.082
Ngân hàng TMCP Eximbank Quảng Ninh (3)	19.836.327.900	20.147.029.404
Vay dài hạn đến hạn trả	15.373.435.632	13.536.357.750
Cộng:	99.795.967.590	103.645.169.148

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 40 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2014. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 17 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 25 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 27 tháng 03 năm 2015. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng là 20 tỷ đồng và đáo hạn vào ngày 14 tháng 5 năm 2015. Khoản vay này chịu lãi suất là 10,5% và được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Công viên Hoàng Gia.



16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/09/2014	12/31/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	11.494.192.230	10.356.851.358
Thuế tiêu thụ đặc biệt	16.554.628.248	14.992.728.558
Thuế thu nhập doanh nghiệp		675.325.356
Các loại thuế khác	7.331.782.140	8.398.437.570
Cộng:	35.380.602.618	34.423.342.842

17. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chấp trôi nổi	38.661.919.842	17.021.870.280
Công ty TNHH xây dựng Diệu Đức Phước Thành	1.297.641.942	1.311.005.676
Công ty TNHH Dụ Thành	869.216.352	568.585.452
Công ty TNHH phát triển Diệp Anh	524.223.804	347.499.576
Bảo hiểm xã hội	654.143.094	2.310.693.714
Bảo hiểm y tế	342.974.178	587.111.964
Bảo hiểm thất nghiệp	571.517.400	256.184.268
Các khoản phải trả khác	3.404.119.104	3.678.659.916
	46.325.755.716	26.081.610.846

18. Các khoản vay và nợ dài hạn	30/09/2014	12/31/2013
	VND	VND
Vay và nợ dài hạn (1)	90.088.691.436	100.408.001.112
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	4.176.538.680	4.361.846.292
Phải trả dài hạn khác	1.584.271.728	1.863.189.216
Doanh thu chưa thực hiện	669.610.182	902.742.540
	96.519.112.026	107.535.779.160



Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và được gia hạn/sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton là 170 tỷ VND. Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này.

19. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính : VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
Số dư 31/12/2013	898.915.498.020	36.042.904.176	106.807.232.574	13.795.580.196	1.055.561.214.966
Số dư 30/09/2014	898.915.498.020	(79.727.675.862)	106.807.232.574	13.795.580.196	939.790.634.928

Tình hình vốn góp của các cổ đông tại thời điểm 30/09/2014 như sau :

Đơn vị tính : VND

Cổ đông	30/09/2014	Tỷ lệ %	31/12/2013	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	61.100.500.314	7	61.100.500.314	7
Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khai		52		52
Tiếp	472.076.474.316		472.076.474.316	
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	119.603.570.898	13	119.603.570.898	13
Các cổ đông khác	246.134.952.492	28	246.134.952.492	28
Cộng:	898.915.498.020	100	898.915.498.020	100



20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III/2014	Quý III/2013
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	159.493.722	137.589.096
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	160.598.514	276.261.738
Lãi tiền gửi	4.992.810	3.569.328
	325.085.046	417.420.162

21. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý III/2014	Quý III/2013
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá	118.064.022	173.813.526
Lãi tiền vay	6.041.597.544	2.464.705.968
	6.159.661.566	2.638.519.494

22. Thu nhập khác

	Quý III/2014	Quý III/2013
	VND	VND
Thu từ thanh lý TSCĐ	868.175.298	-
Thu khác	538.798.560	409.240.452
	1.406.973.858	409.240.452

23. Chi phí khác

	Quý III/2014	Quý III/2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	2.624.050.968	72.831.288
Các khoản chi khác	3.655.480.530	1.231.035.732
	6.279.531.498	1.303.867.020



24. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/09/2014 VND	Cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 30/09/2013 VND
(Lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(115.314.853.338)	(6.046.165.434)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	-	-
- Thu nhập không chịu thuế (1)		
Cộng:	3.510.221.628	528.621.726
- Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu		
- Chi phí không hợp lý cho mục đích tính thuế	4.438.438.122	2.255.985.264
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(928.216.494)	(1.727.363.538)
Thu nhập chịu thuế	(111.804.631.710)	(5.517.543.708)
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	423.857.700	442.617.918

25. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Lũy kế đến 30/09/2014 VND	Lũy kế đến 30/09/2013 VND
Chi phí lãi vay phát sinh với công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp		268.740.654
Bán hàng cho Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp	48.164.682	
Bán hàng cho bà Nguyễn Tiểu Mai	123.864.180	69.856.848
		74.339.754
Số dư với các bên liên quan:		
	30/09/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số dư các khoản phải thu		
Nguyễn Tiểu Mai		0
Số dư các khoản phải trả		
Các khoản phải trả khác cho Công ty TNHH đầu tư quốc tế Khải Tiệp	276.452.952	342.336.798

18-
Y
N
TẾ
GIA
QUẢN



Thu nhập của Ban Giám đốc điều hành được hưởng trong quý như sau:

	Quý III/2014 VND	Quý III/2013 VND
Thu nhập của Ban giám đốc điều hành	405.479.160	383.072.560

26. Những thông tin khác

Hạ long ngày 16 tháng 10 năm 2014

Người lập

Cao Thị Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Linh Chi

Tổng giám đốc



Đỗ Trí Vỹ

